

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2017/HSST

Ngày: 22/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Xuân Lang

2/ Ông Phạm Văn Hề

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Duy Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 506/2017/HSST ngày 02/10/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 705/2017/HSST/QĐ ngày 24/10/2017 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Văn H**; giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 157/52/19/6 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Ph và bà Huỳnh Huệ L; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: 01 (Ngày 27/02/2014 bị Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 15/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015).

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2017 đến nay. (Có mặt)

2/ **Nguyễn Đình P** (tên gọi khác: K); giới tính: Nam; sinh năm: 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 224/11/22 đường V, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình D và bà Trần M; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo khai có chung sống với chị Nguyễn Thị Ngọc Hu (không đăng ký kết hôn) và

có 02 con sinh các năm 2015, 2017, chung sống với chị Vương Bảo N (không đăng ký kết hôn) và có 02 con sinh năm 2013, 2015; tiền sự: Không; tiền án: 01 (Ngày 17/11/2015 bị Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 131/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 20/5/2016).

Bị bắt tạm giam kể từ ngày 08/4/2017 đến nay (Có mặt)

Người bị hại: Bà **Wong So Ha**, sinh năm 1990.

Địa chỉ tạm trú: Khách sạn TH, số 52 – 56 đường Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình P bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 04/4/2017, Nguyễn Văn H gặp Nguyễn Đình P đang chạy xe máy trong hẻm 157 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không có tiền tiêu xài, H rủ P đi cướp giật tài sản thì P đồng ý. P đưa H chiếc xe gắn máy (không rõ biển số) để H điều khiển chở P đi. Khi đến trước nhà số 49A đường S, Phường Z, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, P nhìn thấy chị Wong So Ha (quốc tịch: Malaysia) đang đứng mua đồ, trên tay trái chị Ha cầm cái bóp và chiếc điện thoại di động. H dừng xe để P đi bộ tiếp cận chị Ha. P dùng tay trái giật lấy cái bóp của chị Ha đang cầm trên tay rồi bỏ chạy ra chỗ H đang nổ máy xe chờ sẵn chờ nhau tẩu thoát. Lúc này, anh Lê Quang Su là người đi đường chứng kiến toàn bộ sự việc cướp giật nên điều khiển xe bám theo H và P đến quán cà phê số 157/44 đường A, Phường B, Quận C thì thấy cả hai vào quán đếm tiền trong bóp vừa giật được của chị Ha. Do có một mình nên anh Su gọi điện thoại báo Cảnh sát 113 biết, vừa gọi xong thì thấy P và H bỏ đi, anh Su tiếp tục bám theo. Khi đến trước chợ Bì, Phường B, Quận C, anh Su gặp tổ tuần tra Công an Phường B, Quận C đã báo lại toàn bộ sự việc rồi cùng tổ tuần tra đuổi theo đến trước nhà số 180/15/8 đường W, Phường B, Quận C thì bắt giữ được H, riêng P chạy thoát.

Ngày 05/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn H về hành vi cướp giật tài sản.

Khoảng 19 giờ ngày 08/4/2017, Cơ quan điều tra phát hiện Nguyễn Đình P đang đi trên đường O, Phường X, Quận C nên mời về trụ sở làm rõ hành vi phạm tội. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C, P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận C ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Đình P về hành vi cướp giật tài sản.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bóp cầm tay của chị Wong So Ha.
- 06 tờ Ringgit Malaysia mệnh giá RM50.
- 01 tờ Ringgit Malaysia mệnh giá RM10.
- 02 Ringgit Malaysia mệnh giá RM01.
- 01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 01 USD

Theo Kết luận định giá tài sản số 779/TCKH ngày 12/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận C thì:

06 tờ Ringgit Malaysia mệnh giá RM50, trị giá là 1.575.600 đồng.

01 tờ Ringgit Malaysia mệnh giá RM10, trị giá là 52.000 đồng.

02 tờ Ringgit Malaysia mệnh giá RM01, trị giá là 10.504 đồng.

01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 01 USD, trị giá là 22.800 đồng.

Tổng số tiền là: 1.661.504 đồng.

- 01 thẻ căn cước Malaysia, 01 bằng lái xe, 04 thẻ ngân hàng đều mang tên Wong So Ha.

- Số tiền 241.000 đồng Việt Nam.

- 01 USB chứa dữ liệu camera ghi nhận toàn cảnh vụ cướp giật tài sản trước số 49A đường S, Phường Z, Quận C do chị Giên (ngụ tại số 51 đường S, Phường Z, Quận C) giao nộp Công an Quận C và không yêu cầu trả lại.

Đối với chiếc xe máy hiệu Wave màu đen của Nguyễn Đình P sử dụng làm phương tiện cướp giật, P khai nhận là mượn của một người bạn tên Tu (chưa rõ lai lịch). Sau khi thực hiện hành vi cướp giật, P đã trả lại cho Tu.

Về trách nhiệm dân sự:

Bóp cầm tay, tiền Malaysia, tiền Việt Nam, 01 thẻ căn cước Malaysia, 01 bằng lái xe và 04 thẻ ngân hàng đều mang tên Wong So Ha thu giữ nêu trên, Công an Quận C đã trao trả lại cho bị hại là chị Wong So Ha và chị Ha không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 367/CT-VKS-P2 ngày 26/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình P cùng về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày bản luận tội, xác định nội dung Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng

tội, không oan sai. Đồng thời, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn H từ 03 đến 04 năm tù.

Nguyễn Đình P từ 02 đến 03 năm tù.

Các bị cáo không tự bào chữa, lời nói sau cùng xin được xử mức án nhẹ để sớm trở về với xã hội.

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của phía bị hại cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, từ đó xác định được: Khoảng 13 giờ ngày 04/4/2017, tại trước nhà số 49A đường S, Phường Z, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Đình P đã có thủ đoạn lợi dụng sơ hở của chị Wong So Ha để thực hiện hành vi công khai giật lấy chiếc bóp chị Ha đang cầm trên tay rồi nhanh chóng bỏ chạy ra chỗ Nguyễn Văn H đang nổ máy xe chờ sẵn và cùng nhau tẩu thoát. Theo Kết luận định giá tài sản số 779/TCKH ngày 12/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận C thì tổng giá trị tài sản mà các bị cáo cùng nhau chiếm đoạt của chị Wong So Ha là 1.902.504 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo H là người khởi xướng và rủ rê còn bị cáo P là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Tuy vai trò có khác nhau nhưng cả hai đều cùng phối hợp để hoàn thành hành vi cướp giật tài sản.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là phạm pháp, thế nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên thực hiện tội phạm vì động cơ tư lợi riêng của cá nhân mình, điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như đảm bảo tính răn đe, giáo

dục và phòng ngừa chung. Xét các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Đình P đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 bóp cầm tay; 06 tờ Ringgit Malaysia mệnh giá RM50; 01 tờ Ringgit Malaysia mệnh giá RM10; 02 Ringgit Malaysia mệnh giá RM01; 01 tờ 01 đô la Mỹ; 01 thẻ căn cước Malaysia, 01 bằng lái xe, 04 thẻ ngân hàng đều mang tên Wong So Ha và số tiền 241.000 đồng Việt Nam đã được Công an Phường B, Quận C trao trả lại cho chị Wong So Ha vào ngày 04/4/2017 (Bút lục 83). Xét thấy việc trao trả là phù hợp với quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 USB chứa dữ liệu camera ghi nhận toàn cảnh vụ cướp giật tài sản là chứng cứ của vụ án nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự:

Tại Biên bản trao trả tang vật ngày 04/4/2017, chị Wong So Ha đã nhận lại số tài sản bị cướp giật. Chị Ha không có yêu cầu gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Đình P** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

1/ Bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2017.

2/ Bị cáo Nguyễn Đình P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2017.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Người bị hại (1)
- Phòng PC 53 - CA TPHCM ; (1)
- THAHS ; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (6) (25)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà